

Bản án số: 47/2023/DS-PT
Ngày: 16-02-2023
V/v “Tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Sĩ T, sinh năm 1955 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà B, đường B, khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Tấn D - Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số nhà D, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Huỳnh Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Huỳnh Sĩ T trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Huỳnh Nghĩa N (sinh năm 1921, chết ngày 28/11/2006), cụ Phạm Thị Á (sinh năm 1925, chết ngày 15/3/2013). Cha mẹ ông có 02 người con chung là Huỳnh Sĩ T và Huỳnh Văn Đ. Cụ N, cụ Á không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Lúc sinh thời cha mẹ ông có canh tác phần đất giồng diện tích 3.700m² thuộc thửa đất số 187, 188, cùng tờ bản đồ số 2 (theo số liệu mới là thửa 07, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.125,2m²), tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Phần đất này cha mẹ ông không để lại di chúc, hiện nay ông Đ là người quản lý, sử dụng.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật, cụ thể ông yêu cầu được nhận phần đất nằm phía bên 02 ngôi mộ có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.310,5m² (ký hiệu 7B) và phần đất có diện tích 16,7m² (ký hiệu 7C) thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 18 (thửa cũ là 187, 188, cùng tờ bản đồ số 2) tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T. Hiện trạng trên đất có 02 ngôi mộ của cha mẹ ông, còn lại là đất trống. Nếu Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu thì ông sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho con cháu của cụ Huỳnh Nghĩa N và cụ Phạm Thị Á vào thăm viếng, tảo mộ theo phong tục tập quán.

Đối với chữ ký “Ánh” trong “Giấy cho quyền sử dụng đất ” ông không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của bà Á, ông khẳng định bà Á không có ký tên trong “Giấy cho quyền sử dụng đất” vì lúc này bà Á đang bị bệnh nặng không thể ký tên được.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Văn Đ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông T về hàng thừa kế của cụ Huỳnh Nghĩa N và cụ Phạm Thị Ánh . Ông thừa nhận phần đất đang tranh chấp có diện tích 3.700m² thuộc thửa đất số 187, 188, cùng tờ bản đồ số 2 (theo số liệu mới là thửa đất số 07, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.125,2m²), tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T có nguồn gốc của cụ N và cụ Á. Tuy nhiên, từ năm 2002 cụ Á đã giao phần đất này cho ông quản lý, sử dụng và không tranh chấp với bất kì ai. Ngày 12/10/2010, cụ Á làm giấy với nội dung tặng cho ông phần đất trên nhưng do cụ Á chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không ghi cụ thể số thửa. Giấy cho quyền sử dụng đất có chữ ký của ông Trần Vĩnh T1 là nguyên Trưởng ấp A. Từ ngày cụ Á giao phần đất này cho ông thì ông trực tiếp canh tác sử dụng, ông T biết việc này nhưng cũng

không có ý kiến hay tranh chấp gì. Đến khi đo đạc Vlap thì ông kê khai đăng ký, đến năm 2013 cụ Á chết thì ông T bắt đầu tranh chấp nên ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho ông T được nhận phần đất nằm phía bên 02 ngôi mộ có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.310,5m² (ký hiệu 7B) và phần đất có diện tích 16,7m² (ký hiệu 7C) thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 18 (thửa cũ là thửa 187, 188, cùng tờ bản đồ số 2) tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T thì ông không đồng ý.

Đối với chữ ký “Ánh” trong “Giấy cho quyền sử dụng đất” ông không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của cụ Á do ông không còn bản chính.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Sĩ T đối với bị đơn ông Huỳnh Văn Đ.

1. Buộc ông Huỳnh Văn Đ có nghĩa vụ chia cho ông Huỳnh Sĩ T phần đất diện tích 1.327,2m² gồm: phần đất có diện tích 1.310,5m² (ký hiệu 7B) và phần đất có diện tích 16,7m² (ký hiệu 7C) thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre cùng các tài sản có trên đất.

Giao cho ông Huỳnh Sĩ T tiếp tục quản lý 02 ngôi mộ có trên phần đất ký hiệu 7C diện tích 16,7m², tờ bản đồ số 18; ông Huỳnh Sĩ T không được ngăn cản các con, cháu của cụ Huỳnh Nghĩa N và cụ Phạm Thị Á đến thăm viếng, tảo mộ theo phong tục tập quán.

2. Ông Huỳnh Văn Đ được chia phần đất có diện tích 1.798m² gồm: phần đất có diện tích 1.633,9m² (ký hiệu 7) và phần đất có diện tích 164,1m² (ký hiệu 7A) thuộc một phần thửa đất số 18, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản trên đất (có họa đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2022 bị đơn ông Huỳnh Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Ông Đ yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Sĩ T, cho ông được toàn quyền sử dụng thửa đất số 07, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.125,4m², tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị hoãn phiên tòa để giám định chữ ký của cụ Á trong “Giấy cho quyền sử dụng đất”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị không chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn Đ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đối với đề nghị hoãn phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn để giám định chữ ký của cụ Á trong “Giấy cho quyền sử dụng đất”. Xét thấy, trong quá trình tố tụng giai đoạn sơ thẩm các bên không yêu cầu giám định. Hơn nữa, nội dung “Giấy cho quyền sử dụng đất” không thể hiện việc cụ Á định đoạt cho ông Đ phần đất các bên đang tranh chấp nên việc giám định chữ ký của cụ Á trong “Giấy cho quyền sử dụng đất” không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Cụ Huỳnh Nghĩa N chết năm 2006, cụ Phạm Thị Á chết năm 2013. Năm 2019, ông Huỳnh Sĩ T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N, cụ Á là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về hàng thừa kế:

Các bên đương sự thống nhất cụ N, cụ Á chỉ có 02 người con là Huỳnh Sĩ T và Huỳnh Văn Đ. Cụ N, cụ Á không có con riêng và con nuôi. Do đó, xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ N, cụ Á là ông T và ông Đ.

[4] Về di sản thừa kế:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, di sản của cụ N và cụ Á gồm: Thửa đất số 443, tờ bản đồ 12, diện tích 6.003,2m²; thửa đất số 444, tờ bản đồ 12, diện tích 4.771,4m²; thửa đất số 165, tờ bản đồ 7, diện tích 6.059,4m², cùng tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre; thửa đất số 187, 188, cùng tờ bản đồ số 2 (theo số liệu mới là thửa 07, tờ bản đồ 18) có diện tích qua đo đạc thực tế là 3.125,2m², tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Trước khi chết, cụ N và cụ Á không có di chúc định đoạt các tài sản trên cho ai. Sau khi cụ N và cụ Á chết, ngày 20/02/2019 ông T và ông Đ thống nhất làm “Văn bản phân chia di sản thừa kế” công chứng tại Văn phòng C, nội dung văn bản thể hiện ông T được nhận thửa đất số 443, tờ bản đồ số 12, ông Đ được nhận thửa đất số 444, tờ bản đồ số 12 và thửa đất số 165, tờ bản đồ số 7. Riêng thửa đất số 07, tờ bản đồ số 18 chưa thỏa thuận phân chia cho ai và hiện do ông Đ quản lý, sử dụng, phần đất này các bên đang tranh chấp di sản thừa kế. Trên đất có 01 ngôi nhà của cụ Á để lại và 02 ngôi mộ cụ N, cụ Á.

[5] Về nội dung:

Ông Huỳnh Sĩ T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ theo pháp luật, cụ thể ông yêu cầu được nhận phần đất nằm phía bên 02 ngôi mộ có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.310,5m² (ký hiệu 7B) và phần đất có diện tích 16,7m² (ký hiệu 7C) thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ 18. Ông Huỳnh Văn Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, ông cho rằng phần đất này vào năm 2002 cụ Á đã giao cho ông quản lý, sử dụng và đến ngày 12/10/2010 cụ Á lập “Giấy cho quyền sử dụng đất” cho ông phần đất này.

[6] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn Đ:

Xét thấy, thửa đất số 07, tờ bản đồ số 18 là tài sản chung của cụ N, cụ Á, trước khi chết không có di chúc định đoạt thửa đất trên cho ai. Đối với “Giấy cho quyền sử dụng đất” không thể hiện phần đất cụ Á định đoạt cho ông Đ là thửa đất số mấy, tờ bản đồ số mấy, diện tích không phù hợp với diện tích đất các bên đang tranh chấp nên không có cơ sở xác định cụ Á để lại cho ông Đ thửa đất số 07, tờ bản đồ số 18. Hơn nữa, người xác nhận là Trưởng ấp A cũng trình bày không trực tiếp chứng kiến cụ Á ký tên vào “Giấy cho quyền sử dụng đất”. Tại thời điểm lập “Giấy cho quyền sử dụng đất” cụ Á chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đ cho rằng đã được cụ Á cho sử dụng từ năm 2002 và được cụ Á lập “Giấy cho quyền sử dụng đất” vào năm 2012 nhưng không kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định “Giấy cho quyền sử dụng đất” không có giá trị pháp lý và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để chia di sản thừa kế là có căn cứ.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên thửa đất số 07, tờ bản đồ số 18 được chia theo pháp luật làm 02 phần bằng nhau, mỗi người được nhận phần đất

có diện tích 1.562,6m² nhưng ông T chỉ yêu cầu nhận phần đất có diện tích 1.327,2m² thấp hơn quyền thừa kế của ông. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T để chia cho ông phần đất diện tích 1.327,2m² gồm phần đất diện tích 1.310,5m² (ký hiệu 7B) và phần đất diện tích 16,7m² (ký hiệu 7C), giao cho ông Đ phần đất diện tích 1.798m² là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn Đ là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Huỳnh Văn Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007492 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Căn cứ Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Sĩ T đối với bị đơn ông Huỳnh Văn Đ. Chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh Nghĩa N và cụ Phạm Thị Á, cụ thể:

1.1. Ông Huỳnh Sĩ T được nhận phần đất có diện tích 1.327,2m² gồm phần đất diện tích 1.310,5m² (ký hiệu 7B) và phần đất diện tích 16,7m² (ký hiệu 7C) thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre cùng các tài sản có trên đất.

Buộc ông Huỳnh Văn Đ giao lại cho ông Huỳnh Sĩ T phần đất có diện tích 1.327,2m² gồm phần đất diện tích 1.310,5m² (ký hiệu 7B) và phần đất diện tích

16,7m² (ký hiệu 7C) thuộc một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre cùng các tài sản có trên đất (có họa đồ kèm theo).

Ông Huỳnh Sĩ T quản lý 02 ngôi mộ có trên phần đất diện tích 16,7m² (ký hiệu 7C) và không được ngăn cản các con, cháu của cụ Huỳnh Nghĩa N và cụ Phạm Thị Á đến thăm viếng, tảo mộ theo phong tục tập quán.

1.2. Ông Huỳnh Văn Đ được nhận phần đất có diện tích 1.798m² gồm phần đất diện tích 1.633,9m² (ký hiệu 7) và phần đất diện tích 164,1m² (ký hiệu 7A) thuộc một phần thửa số 07 tờ bản đồ 18, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản có trên đất (có họa đồ kèm theo).

Ông Huỳnh Sĩ T và ông Huỳnh Văn Đ được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Về chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng là 5.287.000 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng), ông T tự nguyện nộp và đã thanh toán xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm:

Ông Huỳnh Sĩ T được miễn án phí.

Ông Huỳnh Văn Đ phải chịu án phí là 15.283.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng).

3.2. Án phí phúc thẩm:

Ông Huỳnh Văn Đ phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007492 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Huỳnh Ngọc Dũng